

Số: 195/TĐC - HCHQ

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2023

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM**

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ quy định về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg ngày 15/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá hợp chuẩn và hợp quy, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận:

1. Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Quảng Ninh

Địa chỉ liên lạc: Số 11, phố Hoàng Long, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 0936 911 811 ext 104 Fax: 0203 3826169

E-mail: bthuyen@vinacontrol.com.vn; vnc.thanhhuuyen@gmail.com

Địa điểm 1: Lô A12, cụm CN tàu thủy Cái Lân, phường Giếng Dáy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Địa điểm 2: Số 588 Lý Thường Kiệt, phường Cửa Ông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

Địa điểm 3: Tổ 23 khu 7 phố Quang Trung, thị xã Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: **Hóa học** (đối với các sản phẩm, hàng hóa trong Phụ lục danh mục kèm theo).

2. Số đăng ký: 158/TN - TĐC.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Quảng Ninh;
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Phó TCT Phụ trách Hà Minh Hiệp (để b/c);
- Lưu: VT, HCHQ.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Hoàng Linh



Phụ lục

**DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM**

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 195/TĐC - HCHQ ngày 18 tháng 01 năm 2023
của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng).

Địa điểm 1: Lô A12, cụm CN tàu thủy Cái Lân, phường Giếng Đáy, thành phố
Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

STT	Tên sản phẩm, hàng hoá	Tên phép thử	Tên phương pháp thử
1.	Dầu thực vật	Xác định điểm nóng chảy Phương pháp ống mao mạch	AOCS Cc-3-25 (2017)
2.		Xác định độ ẩm và chất bay hơi Phương pháp tủ sấy không khí	AOCS Ca-2c-25 (2017)
3.		Xác định tạp chất	AOCS Ca-3a-46 (2017)
4.		Xác định chỉ số Peroxit Phương pháp Acetic axit, Isooctan	AOCS Cd-8b-90 (2017)
5.		Xác định chỉ số Iốt Phương pháp Wijs	AOCS Cd-1-25 (2017)
6.		Xác định Axit béo tự do và chỉ số axit	AOCS Ca-5a-40 (2017)
7.		Xác định chất không xà phòng hoá	AOCS Ca-6a-40 (2017)
8.		Xác định chỉ số xà phòng	AOCS Cd-3-25 (2017)
9.		Xác định màu Lovibond	AOCS Cc-13e-92 (2017)
10.	Quặng Pyrophyllite	Xác định hàm lượng Al_2O_3	TCCS 83:2014/VNC



[Handwritten signature]

STT	Tên sản phẩm, hàng hoá	Tên phép thử	Tên phương pháp thử
11.	Quặng Sắt	Xác định tổng hàm lượng Sắt Phương pháp chuẩn độ sau khi khử bằng thiếc (II) clorua	TCVN 4653-1:2009
12.	Phân Ure	Xác định hàm lượng Nitơ tổng số Phương pháp Kjeldahl	TCVN 2620:2014
13.		Xác định hàm lượng Biuret	
14.		Xác định độ ẩm. Phương pháp sấy	
15.	Phân DAP	Xác định hàm lượng Nitơ tổng số phương pháp Kjeldahl	TCVN 8856:2018
16.		Xác định hàm lượng P_2O_5 hữu hiệu Phương pháp khối lượng	
17.	Phân NPK hỗn hợp	Xác định hàm lượng Nitơ tổng số phương pháp Kjeldahl	TCVN 5815: 2018
18.		Xác định hàm lượng P_2O_5 hữu hiệu Phương pháp khối lượng	
19.	Phân NPK hỗn hợp	Xác định hàm lượng K_2O Phương pháp quang kế ngọn lửa	TCVN 5815: 2018
20.	Phân bón	Xác định hàm lượng K_2O Phương pháp quang kế ngọn lửa	TCVN 8560:2018
21.		Xác định độ ẩm	TCVN 9297:2012
22.	Dăm gỗ	Xác định độ ẩm	SCAN-CM 39:94
23.		Xác định cỡ dăm	SCAN-CM 40:01

STT	Tên sản phẩm, hàng hoá	Tên phép thử	Tên phương pháp thử
24.	Quặng Bauxit	Xác định hàm lượng Al_2O_3 Phương pháp chuẩn độ EDTA	TCVN 2827 : 1999
25.	Thạch cao	Xác định hàm lượng SO_3	TCVN 8654:2011 ASTM C471M-20ae1
26.	Đá canxi cacbonat	Xác định tổng hàm lượng CaO và tính toán hàm lượng $CaCO_3$ tính theo CaO	TCVN 9191:2012
27.	Đá canxi cacbonat	Xác định tổng hàm lượng MgO và tính toán hàm lượng $MgCO_3$ tính theo MgO	TCVN 9191:2012
28.	Cốt liệu cho bê tông và vữa	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006
29.	Than và coke	Xác định hàm lượng tro	TCVN 173:2011 ISO 1171:2010 ASTM D3174 - 12(2018) e1
30.		Xác định hàm lượng Lưu huỳnh. Phương pháp đốt ở nhiệt độ cao	TCCS 01:2016/VNCQN
31.		Xác định hàm lượng Lưu huỳnh Phương pháp eschka	TCVN 175:2015 ISO 334:2013 ASTM D3177-02 (2007)
32.		Xác định hàm lượng Clo dùng hỗn hợp eschka	TCVN 5230:2007 ISO 587:1997



Handwritten signature

STT	Tên sản phẩm, hàng hoá	Tên phép thử	Tên phương pháp thử
33.	Than và coke	Xác định tổng hàm lượng Cacbon, Hydro và Ni tơ	TCVN 9816:2013 ISO 29541:2010 ASTM D5373-21
34.		Xác định hàm lượng Oxy	ASTM D3176-15 TCVN 8621:2015 ISO 17247:2013
35.		Xác định hàm lượng phosphor. Phương pháp so màu	TCVN 254-2:2009 ISO 622:2016 (E)
36.		Xác định hàm lượng lưu huỳnh. Phương pháp đo phổ hồng ngoại (IR)	TCVN 8622:2010 ISO 19579:2006 ASTM D4239-18e1
37.		Xác định hàm lượng Chất bốc	TCVN 174 : 2011 ISO 562 : 2010 ASTM D3175-20
38.		Xác định hàm lượng cacbon cố định	ASTM D3172-13 TCVN 9813:2013 ISO 17246:2010
39.		Xác định hàm lượng ẩm trong mẫu phân tích	ASTM D3173 / D3173M - 17a TCVN 4919:2007 ISO 687:2010
40.		Xác định trị số toả nhiệt toàn phần Phương pháp bom đo nhiệt lượng và tính giá trị toả nhiệt thực	TCVN 200: 2011 ISO 1928 : 2020 ASTM D5865/ D5865M - 19
41.		Xác định cỡ hạt bằng sàng	TCVN 251:2018 ISO 1953:2015 ASTM D4749/D4749M - 87(2019)e1

STT	Tên sản phẩm, hàng hoá	Tên phép thử	Tên phương pháp thử
42.	Than	Xác định hàm lượng ẩm toàn phần Phương pháp A2, B2	TCVN 172:2019 ISO 589:2008 ASTM D3302/D3302M-19
43.	Than đá	Xác định hàm lượng ẩm. Phương pháp làm khô trong nitor	TCVN 11152:2015 ISO 11722:2013
44.	Tro của than và cốc	Xác định hàm lượng canxi oxit (CaO)	TCVN 6258:1997 (ASTM D 2795)
45.		Xác định hàm lượng Magiê oxit (MgO)	TCVN 6258:1997 (ASTM D 2795)
46.		Xác định hàm lượng Natrioxit (Na ₂ O)	
47.		Xác định hàm lượng Kalioxit (K ₂ O)	
48.		Xác định hàm lượng Phôt pho pentoxit (P ₂ O ₅)	
49.		Xác định hàm lượng sắt oxit (Fe ₂ O ₃)	
50.		Xác định tính nóng chảy của tro	TCVN 4917:2011 ISO 540:2008 ASTM D1857/D1857M-18
51.		Xác định hàm lượng lưu huỳnh và SO ₃ Phương pháp đốt nhiệt độ cao với phổ hồng ngoại (IR)	ASTM D5016-16
52.	Than hoạt tính	Xác định độ ẩm	ASTM D2867-17
53.		Xác định tỷ trọng biểu kiến	ASTM D2854-09 (2019)
54.		Xác định Độ cứng	ASTM D3802-16
55.		Xác định Trị số I ốt	ASTM D4607-14
56.		Xác định phân bố cỡ hạt	ASTM D2862-16

Địa điểm 2: Số 588 Lý Thường Kiệt, phường Cửa Ông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

STT	Tên sản phẩm, hàng hoá	Tên phép thử	Tên phương pháp thử
1.	Nhiên liệu khoáng rắn	Xác định hàm lượng tro	TCVN 173:2011 ISO 1171:2010
2.		Xác định hàm lượng Lưu huỳnh. Phương pháp đốt ở nhiệt độ cao	TCCS 01:2016/VNCQN
3.		Xác định hàm lượng Lưu huỳnh. Phương pháp Eschka	TCVN 175:2015 ISO 334:2013
4.	Than đá và cốc	Xác định hàm lượng Chất bốc	TCVN 174:2011 ISO 562:2010
5.		Xác định giá trị toả nhiệt toàn phần	TCVN 200:2011 ISO 1928:2020
6.		Xác định cỡ hạt bằng sàng	TCVN 251:2018 ISO 1953:2015
7.	Than	Xác định độ ẩm Phương pháp làm khô trong không khí (A2, B2)	TCVN 172: 2019 ISO 589 : 2008
8.		Xác định chỉ số nghiền Hardgrove	TCVN 6015:2018 ISO 5074:2015 ASTM D409/D409M-16
9.		Xác định tỷ lệ dưới cỡ hoặc trên cỡ	TCVN 4307:2005
10.	Than đá	Xác định hàm lượng ẩm Phương pháp sấy khô trong nitor	TCVN 11152:2015 ISO 11722:2013

Địa điểm 3: Tổ 23 khu 7 phố Quang Trung, thị xã Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh

STT	Tên sản phẩm, hàng hoá	Tên phép thử	Tên phương pháp thử
1.	Than và coke	Xác định hàm lượng tro	TCVN 173:2011 ISO 1171:2010
2.		Xác định hàm lượng Lưu huỳnh. Phương pháp đốt ở nhiệt độ cao	TCCS 01:2016/VNCQN
3.		Xác định hàm lượng Lưu huỳnh. Phương pháp Eschka	TCVN 175:2015 ISO 334:2013
4.	Than đá và cốc	Xác định hàm lượng Chất bốc	TCVN 174:2011 ISO 562:2010
5.		Xác định giá trị toả nhiệt toàn phần	TCVN 200:2011 ISO 1928:2020
6.		Xác định cỡ hạt bằng sàng	TCVN 251:2018 ISO 1953:2015
7.	Than	Xác định độ ẩm Phương pháp làm khô trong không khí (A2, B2)	TCVN 172:2019 ISO 589:2008

Ghi chú:

- Đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng áp dụng các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành, Chi nhánh phải tuân thủ các quy định của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực trước khi thực hiện hoạt động thử nghiệm;
- TCCS.../VNCQN: Phương pháp do Phòng thí nghiệm xây dựng: Phương pháp thử nội bộ do Phòng thử nghiệm tự xây dựng;
- AOCS: American Oil chemists' Society;
- ASTM: the American Society for Testing and Materials;
- SCAN: Scandinavian pulp, paper and board testing commetee.

